

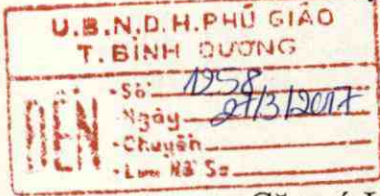
Số: 730 /QĐ-UBND

Bình Dương, ngày 24 tháng 3 năm 2017

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới tỉnh Bình Dương  
giai đoạn 2017-2020

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**



Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định 1980/QĐ-TTg ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 2540/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Thủ tướng chính phủ về việc ban hành quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và công bố địa phương đạt chuẩn nông thôn mới; địa phương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Chương trình hành động số 77-CTr/TU ngày 15/10/2008 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW Hội nghị lần thứ 7 Ban chấp hành Trung ương Đảng (khóa X) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 162/TTr-SNN ngày 10 tháng 02 năm 2017,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Bộ tiêu chí xã nông thôn mới tỉnh Bình Dương giai đoạn 2017 – 2020.

1. Bộ tiêu chí là căn cứ để chỉ đạo việc xây dựng, phát triển nông thôn mới và là cơ sở để đánh giá, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2017 - 2020.

2. Bộ tiêu chí sẽ được xem xét điều chỉnh phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh trong từng thời kỳ.

**Điều 2.**

1. Căn cứ Bộ tiêu chí xã nông thôn mới tỉnh Bình Dương, các Sở, ban, ngành căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm hướng dẫn cụ thể để Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã triển khai thực hiện theo quy định. Việc xét công nhận xã, huyện đạt chuẩn nông thôn mới và thị xã hoàn thành xây dựng nông thôn mới thực hiện theo quy định tại Quyết định số 2540/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Cơ quan thường trực Ban chỉ đạo nông thôn mới tỉnh) chủ trì phối hợp với các Sở, ban, ngành có liên quan

và Ủy ban nhân dân cấp huyện hướng dẫn, phổ biến tuyên truyền và tổ chức thực hiện Quyết định này.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế các Quyết định số: 1387/QĐ-UBND ngày 11/6/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới tỉnh Bình Dương; 175/QĐ-UBND ngày 21 tháng 01 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành quy định tạm thời trình tự thủ tục đánh giá, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thủ trưởng các sở, ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:** ✓

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ NN&PTNT;
- Văn phòng ĐPNTM TW;
- TT. TU, TT. HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ngành, thành viên NTM tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã; ✓web;
- LĐVP (Lg, Th), Tn, TH; ✓tấn;
- Lưu: VT. ✓



**Mai Hùng Dũng**

**BỘ TIÊU CHÍ XÃ NÔNG THÔN MỚI TỈNH BÌNH DƯƠNG GIAI ĐOẠN 2016 -2020**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 730 /QĐ-UBND ngày 24/3 /2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương)*



Stt	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu địa phương
<b>I QUY HOẠCH</b>			
1	Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã <sup>[1]</sup> được phê duyệt và được công bố công khai đúng thời hạn	Đạt
		1.2. Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch	Đạt
<b>II HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI</b>			
2	Giao thông	2.1. Đường xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm	100%
		2.2. Đường trục ấp và đường liên ấp được nhựa hóa, bê tông hóa hoặc cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm	100%
		2.3. Đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa	100%
		2.4. Đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm	100%
3	Thủy lợi	3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt từ 80% trở lên	Đạt
		3.2. Đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ	Đạt

4	Điện	4.1. Hệ thống điện đạt chuẩn 4.2. Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn	Đạt ≥99%
5	Trường học	Tỷ lệ trường học các cấp: mầm non, mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia	100%
6	Cơ sở vật chất văn hóa	6.1. Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã 6.2. Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định <sup>[2]</sup> 6.3. Tỷ lệ áp có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng	Đạt Đạt 100%
7	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Xã có chợ nông thôn hoặc chợ liên xã theo quy hoạch được phê duyệt hoặc nơi mua bán, trao đổi hàng hóa	Đạt
8	Thông tin và Truyền thông	8.1. Xã có điểm phục vụ bưu chính (bưu cục, bưu điện văn hóa xã, thùng thư công cộng) 8.2. Xã có dịch vụ viễn thông, internet băng rộng (có định hoặc đi động) 8.3. Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến 80% trung tâm các ấp, cụm dân cư. 8.4. Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành	Đạt Đạt Đạt Đạt
9	Nhà ở dân cư	9.1. Nhà tạm, dột nát 9.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn theo quy định	Không ≥90%



**III / KINH TẾ VÀ TỔ CHỨC SẢN XUẤT**

Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn đến năm 2020 (triệu đồng/người)

Năm 2017: Đạt 44 triệu đồng
Năm 2018: Đạt 50 triệu đồng
Năm 2019: Đạt 55 triệu đồng
Năm 2020: Đạt 60 triệu đồng

10	Thu nhập		
11	Hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2016 - 2020	≤ 1%
12	Lao động có việc làm	Tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động	≥ 90%
13	Tổ chức sản xuất	13.1. Xã có hợp tác xã hoạt động theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã năm	Đạt
		13.2. Xã có mô hình liên kết sản xuất có hiệu quả gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực đảm bảo bền vững	Đạt
<b>IV VĂN HÓA - XÃ HỘI - MÔI TRƯỜNG</b>			
14	Giáo dục và Đào tạo	14.1. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi; phổ cập giáo dục trung học cơ sở	Đạt
		14.2. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, trung cấp)	≥ 90%
		14.3. Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo	≥ 45%
		15.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế	≥ 85%
15	Y tế	15.2. Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế	Đạt

16	Văn hóa	<p>15.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi)</p> <p>Tỷ lệ áp đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định</p> <p>17.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch theo quy định</p> <p>17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường</p> <p>17.3. Xây dựng cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn</p>	<p>≤ 14,3%</p> <p>≥ 70%</p> <p>≥ 98,5% nước hợp vệ sinh ≥ 65% nước sạch</p> <p>100%</p>
17	Môi trường	<p>17.4. Mai táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch được phê duyệt của cấp có thẩm quyền</p> <p>17.5. Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất - kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định</p> <p>17.6. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch<sup>[3]</sup></p> <p>17.7. Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường</p> <p>17.8. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm</p>	<p>Đạt</p> <p>Đạt</p> <p>Đạt</p> <p>≥ 90%</p> <p>≥ 80%</p> <p>100%</p>
V	<b>HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ</b>		
18	Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật	<p>18.1. Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn</p> <p>18.2. Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định</p> <p>18.3. Đảng bộ, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn "trong sạch, vững mạnh"</p>	<p>Đạt</p> <p>Đạt</p> <p>Đạt</p>



	18.4. Tổ chức chính trị - xã hội của xã đạt loại khá trở lên	100%
	18.5. Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định	Đạt
	18.6. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội	Đạt
	18.7. Xã thực hiện cải cách hành chính, chính quyền thân thiện được người dân đánh giá hài lòng	≥75%
	18.8. Công khai minh bạch việc thực hiện các thủ tục hành chính theo tiêu chuẩn của tỉnh	≥90%
	19.1. Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng	Đạt
19	Quốc phòng và An ninh 19.2. Xã đạt chuẩn an toàn về an ninh, trật tự xã hội và đảm bảo bình yên: không có khiếu kiện đông người kéo dài; không để xảy ra trọng án; tội phạm và tệ nạn xã hội (sử dụng ma túy, trộm cắp, cờ bạc) được kiểm chế, giảm liên tục so với các năm trước	Đạt

[1] Quy hoạch chung xây dựng xã phải đảm bảo thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với ứng phó với biến đổi khí hậu, quá trình đô thị hóa của các xã ven đô và đảm bảo tiêu chí môi trường nông thôn.

[2] Điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em của xã phải đảm bảo điều kiện và có nội dung hoạt động chống đuối nước bằng nhiều hình thức cho trẻ em.

[3] Đảm bảo 3 sạch, gồm: Sạch nhà, sạch bếp, sạch ngõ (theo nội dung cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch” do Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam phát động).

